

GIỚI THIỆU
LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Luật được xây dựng và ban hành trong bối cảnh Việt Nam đàm phán, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), yêu cầu Việt Nam phải hoàn thiện khung pháp lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp, loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại không cần thiết, thúc đẩy thuận lợi hoá thương mại toàn cầu.

Qua thực tiễn hơn 17 năm thi hành, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã đưa hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được nâng lên cả chất và lượng; phân công thẩm quyền, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức minh bạch, phù hợp với quy định của WTO và thông lệ quốc tế, góp phần thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam.

Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản, nghị quyết chỉ đạo thể chế hóa chủ trương đổi mới đối với lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, thực tiễn thi hành thời gian qua cho thấy Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã phát sinh một số hạn chế, bất cập, đòi hỏi phải sửa đổi để phù hợp với các cam kết trong Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của thực tiễn sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cụ thể như sau:

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong bối cảnh Việt Nam mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng, dẫn đến hoạt động kinh tế đi vào chiều sâu, thực chất hơn, doanh nghiệp xuất

khẩu ngày càng đối mặt với nhiều quy định, yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các thị trường nước ngoài. Bên cạnh đó, với chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; chủ động đổi mới sáng tạo, tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia; vị trí, vai trò của công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được cụ thể hoá thông qua các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó đã đề ra cần *“Đẩy mạnh xã hội hoá, tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công; hỗ trợ kinh tế tư nhân tiếp cận, khai thác các cơ hội trong hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường, đẩy mạnh đầu tư và thương mại quốc tế; xóa bỏ các rào cản bất hợp lý đối với kinh tế tư nhân khi tham gia thương mại, đầu tư quốc tế. Tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển, nâng cao năng lực từng bước tham gia sâu, vững chắc vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu”*.

b) Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt các thị trường, trong đó có nội dung *“Đẩy mạnh phát triển thị trường hàng hoá, dịch vụ, gồm cả thị trường xuất, nhập khẩu, thị trường trong nước và biên mậu; phát triển hạ tầng thương mại. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế. Phát triển mạnh các phương thức giao dịch thị trường hiện đại.”*.

c) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã thể hiện những tác động tích cực, chủ động của Việt Nam tham gia vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Theo đó, lĩnh vực khoa học và công nghệ được coi như một yếu tố nền tảng *“phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao”*. Một trong số những chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 là Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia, trong đó có nội dung: *“Tạo lập đồng bộ và kịp thời khung pháp lý và hệ thống các chính sách để triển khai và phát triển các công nghệ mới. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”*.

d) Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: trong nhiệm vụ đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có nội dung: *“Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế”*.

đ) Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

- *“Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ, hội nhập quốc tế dựa trên các nền tảng hạ tầng kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và mô hình quản trị thông minh. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Chuyển hình thức kiểm soát đối tượng, công đoạn cụ thể sang quản lý chuỗi sản phẩm, từ khâu nghiên cứu tiền sản xuất, tổ chức sản xuất đến tổ chức phân phối, lưu thông, tiêu dùng và xuất khẩu sản phẩm, hàng hoá mang thương hiệu Việt Nam. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, tạo nền tảng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các mục tiêu phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, dẫn dắt quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao mức độ hài hoà tiêu chuẩn quốc tế, phục vụ các mục tiêu phát triển đất nước trong từng giai đoạn. Hoàn thiện hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, chuẩn đo lường chính của các bộ, ngành, địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.*

Tiếp tục kiện toàn tổ chức hoạt động cơ quan tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng chỉ một đầu mối cấp quốc gia để quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Phát triển các tổ chức công nhận quốc gia, tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc gia, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quốc gia, tổ chức năng suất quốc gia để thực hiện cơ chế trọng tài phục vụ công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất

lượng trong phạm vi cả nước, đáp ứng yêu cầu và thông lệ quốc tế.”

- “Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bảo đảm số lượng và chất lượng. Đưa đào tạo nhân lực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vào một số cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và trung cấp nghề. Đầu tư, nâng cấp cơ sở đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, chú trọng hình thành và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, các nhóm chuyên gia có uy tín đạt trình độ quốc tế, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, xuất khẩu nhân lực lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.”

- “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tuân thủ các điều ước, các thỏa thuận quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia. Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hợp tác đào tạo; cập nhật kịp thời các tiêu chuẩn, công nghệ mới, nhất là với các quốc gia có năng lực kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tiên tiến. Tăng cường sự tham gia vào các tổ chức quốc tế; nâng tỉ lệ hài hoà của tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.”

e) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó Bộ Chính trị yêu cầu quán triệt thực hiện tốt các nội dung sau:

“- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số”.

g) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, trong đó có các nội dung sau:

“- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Phổ biến, quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế. Thống nhất nhận thức hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả là một định hướng chiến lược lớn của Đảng. Tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và hội nhập quốc tế; nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế đi

đôi với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước; chủ động ứng phó hiệu quả với các tác động tiêu cực trong tiến trình hội nhập quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số. Tích cực thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển thị trường các-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính. Tăng cường hợp tác quốc tế, hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước. Tăng cường và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các nước láng giềng, các nước lớn, các nước Đông Nam Á, các đối tác quan trọng khác và bạn bè truyền thống, gia tăng tin cậy chính trị và hiệu quả hợp tác. Chủ động, tích cực đảm nhận trọng trách và nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải trên những lĩnh vực phù hợp với khả năng, lợi ích của ta tại các tổ chức, diễn đàn, cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, hợp tác tiểu vùng Mê Công, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và các cơ chế hợp tác mới ở Châu Á – Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước. Tích cực huy động, tranh thủ nguồn lực quốc tế để phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn. Thu hút các tập đoàn công nghệ lớn đặt trung tâm nghiên cứu và phát triển và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

- Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước. Đẩy mạnh rà soát và nâng cao hiệu quả nhiệm vụ nội luật hoá pháp luật quốc tế để góp phần thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết quốc tế, phù hợp với điều kiện của đất nước và bối cảnh quốc tế mới. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Khẩn trương thể chế hoá, cụ thể hoá các chiến lược hội nhập quốc tế theo ngành, lĩnh vực”.

h) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới

công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó các nội dung sau:

“- Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo toàn diện, trực tiếp việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật và tăng cường kiểm tra, giám sát công tác này. Mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, đi đầu trong chấp hành và tuân thủ pháp luật, lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật.

- Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được.

- Các quy định của luật phải mang tính ổn định, đơn giản, dễ thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Phát huy đúng mức vai trò của đạo đức xã hội, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc tự quản cộng đồng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội.

- Bảo đảm quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả; phân định rõ quy trình xây dựng chính sách và quy trình soạn thảo văn bản; từng bước thực hiện soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp.

- Các hoạt động tổng kết, khảo sát thực tiễn, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đánh giá tác động chính sách, lựa chọn chính sách phải được thực hiện kỹ lưỡng, thực chất, khoa học. Đẩy mạnh truyền thông chính sách, nhất là các chính sách có tác động lớn đến xã hội, người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc cơ chế tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đối tượng chịu sự tác động; không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thiết kế chính sách và xây dựng pháp luật.

- Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.

- Bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các

nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu; hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa...) để hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh cho trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do, khu kinh tế trọng điểm...

- Hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức Việt Nam để bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý quốc tế, định hình trật tự pháp lý quốc tế; tham gia tích cực vào việc xây dựng thể chế và pháp luật quốc tế: tận dụng hiệu quả, linh hoạt các lợi thế từ cam kết của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Xử lý tốt các vấn đề pháp lý quốc tế phát sinh, nhất là tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế nhằm kịp thời bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước Việt Nam”.

i) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó có các nội dung sau:

“- Giảm thiểu sự can thiệp và xóa bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin - cho”, tư duy “không quản được thì cấm”. Người dân, doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm. Quyền kinh doanh chỉ có thể bị hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, môi trường và sức khỏe của cộng đồng và phải được quy định trong luật

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp. Minh bạch hóa, số hóa, thông minh hóa, tự động hóa, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về gia nhập, rút lui khỏi thị trường, đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn... Trong năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo.

- Hiện đại hoá quản trị công, quản trị dựa trên dữ liệu. Thực hiện chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế.

- Thiết lập cơ chế đánh giá, phản hồi về các rào cản, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khắc phục tình trạng thiếu nhất quán trong thực thi chính sách giữa trung ương và địa phương, giữa các bộ, ngành và giữa các địa phương với nhau.

- Thực hiện cơ chế thị trường, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác.

- Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử... Có cơ chế thử nghiệm đối với những ngành, lĩnh vực mới trên cơ sở hậu kiểm, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn.

- Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Có cơ chế, chính sách đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bảo đảm theo nguyên tắc thị trường và tuân thủ các cam kết quốc tế; bãi bỏ lệ phí môn bài; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 3 năm đầu thành lập; bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cho các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, kết hợp huy động nguồn lực từ các quỹ đầu tư của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, viện nghiên cứu, trường đại học...

- Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đa dạng hoá các kênh phân phối, phát triển mạnh các nền tảng số, thương mại điện tử; triển khai thực chất, hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; nâng cấp, đổi mới chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân xây dựng và quảng bá thương hiệu. Khuyến khích phát triển các tập đoàn bán lẻ tư nhân; có chính sách ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia chương trình, kế hoạch,

dự án mua sắm công phù hợp với thông lệ quốc tế. Nâng cao năng lực thực thi, tận dụng các cam kết quốc tế và có cơ chế hỗ trợ hiệu quả giải quyết tranh chấp quốc tế cho khu vực kinh tế tư nhân...

- Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật.

- Cho phép các doanh nghiệp được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này. Có chính sách hỗ trợ chi phí đầu tư mua sắm máy móc, đổi mới công nghệ, chi phí thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững, tuân hoàn thông qua cơ chế khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tài trợ qua các quỹ.

- Doanh nghiệp, tổ chức tư nhân được sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung, trung tâm thử nghiệm, đo lường, kiểm định, giám định của Nhà nước để phát triển sản phẩm với mức phí hợp lý.

- Có chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo kể từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân cho các chuyên gia, nhà khoa học làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1 Các vấn đề đặt ra trong việc triển khai thi hành các cam kết về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo các điều ước quốc tế

Cùng với quá trình mở cửa nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã tham gia, ký kết nhiều điều ước quốc tế liên quan tới hoạt động tiêu

chuẩn chất lượng như Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật trong Thương mại (WTO/TBT), Công ước quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR). Bên cạnh đó, gần đây, Việt Nam đã ký kết nhiều FTA thế hệ mới như FTA Việt Nam - Hàn Quốc (*Hiệp định VKFTA, hiệu lực từ ngày 20/12/2015*); FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á-Âu (*Hiệp định VN - EAEU FTA, hiệu lực từ ngày 5/10/2016*), kể cả các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*Hiệp định CPTPP, có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019*), FTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (*Hiệp định EVFTA, hiệu lực từ ngày 01/8/2020*).

Ngày 12/11/2018, Quốc hội Việt Nam đã phê chuẩn Hiệp định CPTPP theo Nghị quyết số 72/2018/QH14. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP, trong đó, tại điểm b Điều 3 Mục II Những nhiệm vụ chủ yếu liên quan đến công tác xây dựng pháp luật, thể chế giao nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành theo đúng với lộ trình đã quy định của Hiệp định CPTPP. Theo đó, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật phải được sửa đổi, bổ sung để thực hiện một số nghĩa vụ về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Chương 8) quy định trong Hiệp định CPTPP như: về quy trình đánh giá sự phù hợp quy định các nước thành viên không được đối xử phân biệt giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt trụ sở tại các nước CPTPP với các tổ chức đặt trụ sở tại lãnh thổ nước mình, không được yêu cầu các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đặt trụ sở hay đặt văn phòng đại diện trên lãnh thổ nước mình.

Việt Nam đã ký kết Hiệp định EVFTA với Liên minh châu Âu ngày 30/6/2019. Ngày 06/8/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1201/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA. Các nghĩa vụ liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải thi hành tại Điều 5.7 Chương 5 về Minh bạch hóa quy định một số nghĩa vụ như: đảm bảo các chủ thể kinh tế và những người quan tâm khác của nước thành viên được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, với các điều kiện không kém thuận lợi hơn dành cho các pháp nhân hoặc thể nhân của Việt Nam; trong trường hợp thực hiện đánh giá tác động, thông báo cho Bên kia, khi có yêu cầu, kết quả của việc đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật...

Ngày 06/7/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-CP về việc phê duyệt Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP). Các nghĩa vụ liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải thi hành trong Hiệp định RCEP (Chương 6 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại) đã quy

định về minh bạch hóa. Nội dung của nghĩa vụ này yêu cầu các bên thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch liên quan đến việc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp như: tham vấn công khai, đảm bảo rằng các bên quan tâm của bên kia được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng, đánh giá tác động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp...

Các quy định và nghĩa vụ trong các Hiệp định FTA trên không thuộc nhóm quy định được áp dụng trực tiếp và phải thực hiện nội luật hoá. Do vậy, cần phải được xem xét đưa vào nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 để phù hợp với các điều ước mà Việt Nam đã ký kết.

2.2. Các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật

a) Về hội nhập quốc tế và yêu cầu minh bạch hoá

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trong khuôn khổ WTO, APEC, ASEAN..., thời gian qua Việt Nam đã ký kết các FTA thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP...) với các quy định, cam kết sâu, mở rộng hơn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Trong các FTA thế hệ mới đều có điều khoản quy định về nghĩa vụ minh bạch hóa liên quan đến xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp nhằm loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã đưa ra các nguyên tắc chung về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hợp tác quốc tế, đồng thời, các điều khác của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã lồng ghép các quy định, cam kết về minh bạch hóa, hoạt động thông báo, hỏi đáp về quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp. Tuy nhiên, các quy định này ở mức cơ bản, chỉ phù hợp tại thời điểm năm 2007 khi Việt Nam mới gia nhập WTO, khi quy mô hội nhập kinh tế quốc tế, năng lực tham gia chuỗi cung ứng, sản xuất quốc tế chưa sâu rộng như hiện nay. Vì vậy, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật không còn hoàn toàn phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế theo các FTA thế hệ mới với các cam kết mở hơn cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, phải tuân thủ các yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn về tính công khai, minh bạch liên quan đến hoạt động xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp trong quá trình thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại quốc tế, khu vực.

Về hợp tác quốc tế, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định những nội dung mang tính nghĩa vụ, thụ động của Việt Nam khi hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chưa phát huy tính chủ động, tích

cực của Việt Nam tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn quốc tế.

Nhìn chung, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa quy định đầy đủ về nghĩa vụ minh bạch hóa của Việt Nam cũng như thẩm quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ thông báo, hỏi đáp hàng rào kỹ thuật trong thương mại (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp), chưa tương xứng với mức độ cam kết minh bạch hóa của Việt Nam trong các FTA thế hệ mới, khi nội dung này trong các Hiệp định được quy định trong một điều riêng biệt, thể hiện tầm quan trọng vấn đề này.

b) Về xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn

Trong tình hình kinh tế, xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu thị trường áp dụng tiêu chuẩn trên nhiều lĩnh vực ngày càng đa dạng, tăng cao. Trong khi đó, hiện nay, nguồn lực xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) chủ yếu tập trung vào các cơ quan, ngân sách nhà nước nên số lượng, tính đa dạng của TCVN được công bố hằng năm không đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường, tổ chức, doanh nghiệp. Kinh nghiệm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, các quốc gia phát triển và thực tiễn của Việt Nam cho thấy, việc xây dựng tiêu chuẩn phải tôn trọng, ưu tiên nhu cầu thị trường, như vậy mới đáp ứng được yêu cầu về quản lý, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; nếu không tập trung vào thị trường, thì các tiêu chuẩn được công bố, áp dụng sẽ không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của nhà nước và doanh nghiệp. Hơn ai hết, chính doanh nghiệp là hạt nhân của hoạt động tiêu chuẩn hoá, trực tiếp sản xuất kinh doanh, thấu hiểu nhu cầu thị trường, mong muốn của khách hàng. Việc xây dựng tiêu chuẩn phải có sự tham gia, xây dựng đầy đủ của các bên liên quan, đặc biệt là doanh nghiệp.

c) Về hoạt động đánh giá sự phù hợp

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là văn bản nền tảng, là cơ sở tiên quyết cho hoạt động đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, chứng nhận, giám định...). Tuy nhiên, hiện nay, quy định về khái niệm, nguyên tắc chung, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các luật chuyên ngành như: Luật Thú y, Luật An toàn lao động, Luật Xây dựng, Luật Giao thông đường bộ... chưa thống nhất, gây bất cập, khó khăn cho hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp và doanh nghiệp. Ngoài ra, so với các cam kết tại các FTA thế hệ mới, thì một số quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thông lệ quốc tế, đó là quy định hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (không cần sự hiện diện pháp nhân của các tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam), ví dụ: khoản 1, khoản 2 Điều 8.6 Hiệp định CPTPP (quy định bắt buộc) và Điều 6.4 của Hiệp định WTO/TBT (khuyến

khích áp dụng).

Hoạt động công nhận tại Việt Nam dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, hoạt động công nhận hiện còn tương đối tách biệt, chỉ tập trung vào khía cạnh kinh tế, chưa thống nhất một chương trình đánh giá đồng bộ, sự phối hợp, thừa nhận kết quả của nhau rất hạn chế, gây tốn kém cho doanh nghiệp, lãng phí nguồn lực xã hội, chưa đảm bảo tính thống nhất trong quản lý nhà nước. Một số đối tượng hàng hóa, dịch vụ, môi trường đánh giá sự phù hợp có nguy cơ gây mất an toàn, an ninh cao nếu không được các tổ chức chứng nhận, thử nghiệm, giám định có năng lực, chất lượng tốt thực hiện, sẽ gây ra những ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội, tài sản, tính mạng người dân. Hơn nữa, theo xu hướng thế giới, hiện nay hoạt động công nhận mở rộng phạm vi hoạt động bao gồm cả công nhận cho tổ chức chứng nhận năng lực cá nhân, tổ chức sản xuất mẫu chuẩn, phòng xét nghiệm y tế, tổ chức có hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, tổ chức có hoạt động kiểm tra xác nhận... là những hoạt động đã bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam, nhưng Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có quy định điều chỉnh.

d) Về nguyên tắc, đối tượng, căn cứ, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP); hoạt động xây dựng, quản lý tiêu chuẩn cơ sở

Thứ nhất, về quy trình xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật

Một số quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật điều chỉnh hoạt động xây dựng, thẩm định, công bố TCVN, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thực tiễn như: chưa có quy định về đánh giá tác động khi xây dựng QCVN khiến một số QCVN sau khi ban hành không phù hợp trong thực tiễn áp dụng, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chưa có quy định về trình tự, thủ tục rút gọn khi xây dựng, thẩm định, công bố TCVN, ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh; chưa có quy định về việc áp dụng các TCVN đã bị bãi bỏ; chưa có quy định việc đình chỉ TCVN... .

Mặt khác, hoạt động xây dựng, ban hành, áp dụng QCDP thời gian qua phát triển mạnh, do yêu cầu thực tiễn tại các địa phương cần phải tăng cường quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát ô nhiễm môi trường, quy hoạch đô thị..., đặc biệt tại các thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung. Nhưng quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hướng dẫn QCDP lại khá chung chung, chưa cụ thể, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn xây dựng, áp dụng

QCĐP tại địa phương. Vì vậy, các địa phương còn lúng túng khi tiến hành xây dựng, thẩm định, áp dụng QCĐP trong thực tế hiện nay, đặc biệt là đối với các QCĐP có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực.

Thứ hai, về đối tượng của QCVN thuộc bí mật nhà nước

Hiện nay, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có quy định cụ thể về việc xây dựng QCVN cho đối tượng thuộc bí mật nhà nước, tạo ra những cách hiểu, diễn giải chưa thống nhất với quy định tại Luật Dự trữ quốc gia. Theo khoản 4 Điều 14 Luật Dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính có trách nhiệm “Chủ trì, phối hợp với bộ ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” (không giới hạn đối tượng hàng dự trữ quốc gia thuộc bí mật nhà nước). Các quy định nêu trên đã dẫn đến vướng mắc, khó khăn khi quá trình thẩm định QCVN theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật phải đảm bảo thủ tục xây dựng công khai lấy ý kiến các bên liên quan, trong khi các mặt hàng dự trữ quốc gia thuộc đối tượng bí mật nhà nước dùng để phục vụ cho quốc phòng, an ninh lại không thể tuân thủ theo quy định, thủ tục lấy ý kiến rộng rãi tất cả các bên liên quan theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Thứ ba, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)

Về bản chất hoạt động xây dựng tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước thể hiện tính quyền lực, phục vụ công ích, áp dụng trên phạm vi rộng, phù hợp với việc xây dựng, áp dụng TCVN hơn. Theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, TCCS được xây dựng và chỉ áp dụng trong giới hạn phạm vi hoạt động của tổ chức công bố TCCS, nên không phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tiễn quy định này đã làm phát sinh một số trường hợp cơ quan quản lý dùng nguồn kinh phí phục vụ quản lý nhà nước từ ngân sách nhà nước để xây dựng, công bố TCCS (theo quy định pháp luật chỉ được áp dụng giới hạn trong phạm vi của cơ quan nhà nước đó, nhưng thực tế lại áp dụng rộng rãi cho tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan trên phạm vi toàn quốc), không đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, thực tiễn hiện nay, một số tổ chức, doanh nghiệp xây dựng TCCS mang tính chất đối phó, không đi vào thực chất của tiêu chuẩn (trong khi đó, tiêu chuẩn là nhằm nâng cao năng suất chất lượng, đảm bảo chất lượng, an toàn). Quy định, cơ chế quản lý TCCS hiện nay rất mở, tổ chức, doanh nghiệp chỉ cần công bố tiêu chuẩn áp dụng thông qua hình thức ghi số hiệu tiêu chuẩn hoặc các đặc tính cơ bản trên nhãn, bao gói sản phẩm hàng hóa, hoặc trong các tài liệu giao dịch liên quan. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc thống kê, cập nhật thông tin, số liệu về TCCS; bất cập, hạn chế trong công tác hậu kiểm chất lượng, truy xuất nguồn gốc, xử lý vi phạm về chất lượng liên

quan tới TCCS, ảnh hưởng tới quyền lợi người tiêu dùng, phát triển thị trường lành mạnh.

đ) Về tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và trong hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn

Quy định hiện nay về thẩm quyền xuất bản, phát hành TCVN (khoản 1 Điều 21) đang tạo ra cách hiểu chưa thống nhất, dẫn đến bất cập, hạn chế trong tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chưa hiệu quả trong hoạt động xuất bản, phát hành TCVN. Ngoài ra, việc chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ về TCVN, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, TCCS khiến việc tra cứu, áp dụng tiêu chuẩn đối với các đối tượng có nhu cầu như doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn.

e) Về tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và nhân lực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Thứ nhất, về tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia

Các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia đều xác định Ban kỹ thuật là trung tâm của hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, là tổ chức kỹ thuật quy tụ các chuyên gia hàng đầu trong từng lĩnh vực tiêu chuẩn cụ thể. Theo quy định, các FTA thế hệ mới yêu cầu các thành viên ký kết phải cho phép các tổ chức, chuyên gia nước ngoài được trực tiếp tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (Điều 8.7 Hiệp định CPTPP quy định bắt buộc và Hiệp định WTO/TBT khuyến khích áp dụng). Tuy nhiên, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa quy định thành viên Ban kỹ thuật có chuyên gia là người nước ngoài. Trong thực tiễn hiện nay, nhu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI cử chuyên gia nước ngoài tham gia Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia là rất lớn. Bên cạnh đó, mặc dù hiện nay hàng hóa Việt Nam đã xuất khẩu đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhưng Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có quy định, chính sách thúc đẩy Việt Nam tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC, ITU, Codex...). Đây là hoạt động cần đẩy mạnh, thể hiện tính chủ động hội nhập quốc tế, loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam, phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ.

Thứ hai, về công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Qua công tác tổng kết thực hiện Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, cho thấy Bộ Khoa học và Công nghệ với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đã chủ động xây dựng các chương trình quốc gia, kế hoạch, định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn

quốc gia; hướng dẫn, hỗ trợ cho các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, xây dựng mới các TCVN, QCVN do các bộ, ngành quản lý không bị chồng chéo, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

Tuy nhiên, trên thực tế, công tác phối hợp này còn gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định, chủ yếu xuất phát từ sự phối hợp của các cơ quan liên quan hoặc thiếu quy định pháp luật hướng dẫn cụ thể, trong đó, có sự hạn chế về nguồn lực tài chính cho hoạt động xây dựng, thanh tra, kiểm tra hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phối hợp trong hoạt động thông báo hỏi đáp tới tổ chức quốc tế và cảnh báo kịp thời cho hiệp hội, doanh nghiệp trong nước.

Thứ ba, về nhân lực hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay, đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các địa phương trong một số lĩnh vực còn yếu, chưa được đào tạo chuyên sâu, trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ để thực hiện các hoạt động về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật còn thiếu các chính sách thiết thực trong việc tập trung đầu tư phát triển nhân lực tiêu chuẩn hóa đạt trình độ quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nhân lực về tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước, nhất là lực lượng tài năng trẻ trong hoạt động nghiên cứu, xây dựng, triển khai áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thiếu các chính sách đào tạo về tiêu chuẩn ngay trong trường đại học, trường dạy nghề như kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục tiêu

Việc sửa đổi, bổ sung Luật TC&QCKT nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời, tiếp thu, nội luật hóa các cam kết quốc tế, đảm bảo sự tương thích giữa quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết.

2. Quan điểm

- Một là, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản

xuất kinh doanh, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- *Hai là*, xây dựng khung pháp lý, tiếp tục hoàn thiện, khắc phục một số tồn tại vướng mắc trong quy trình xây dựng, công bố, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, đảm bảo sự thống nhất, khả thi, đồng bộ trong việc áp dụng pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

- *Ba là*, nội luật hóa các quy định tại các cam kết quốc tế của Việt Nam trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bộ cục

Luật số 70/2025/QH15 gồm 03 Điều, trong đó Điều 1 sửa đổi, bổ sung 40 Điều của Luật TC&QCKT số 68/2006/QH11; Điều 2 và Điều 3 về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp đối với việc xây dựng, công bố, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Phạm vi điều chỉnh

Về cơ bản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT vẫn giữ nguyên phạm vi điều chỉnh của Luật TC&QCKT năm 2006 như sau: Luật này quy định về hoạt động xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Đối tượng áp dụng

Về cơ bản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT vẫn giữ nguyên đối tượng áp dụng của Luật TC&QCKT năm 2006 như sau: Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam..

4. Những nội dung chủ yếu

4.1. Bổ sung quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ

Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Luật số 70/2025/QH15 đã bổ sung quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tạo nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, theo hướng đẩy mạnh hậu kiểm thay cho tiền kiểm, cắt giảm thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Đây là nền tảng số thống nhất, hiện đại, tích hợp dữ liệu liên quan, phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin hỗ trợ tổ chức, cá nhân.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được xây dựng, quản lý, vận hành dựa trên nguyên tắc bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác, nền tảng số của Bộ, ngành, địa phương; đáp ứng yêu cầu khai thác thông tin của tổ chức, cá nhân; thường xuyên được cập nhật, duy trì, khai thác bảo đảm tính chính xác, đầy đủ; ưu tiên ứng dụng các công nghệ mới để phân tích, đánh giá, cảnh báo các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; tuân thủ quy định pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.2. Bổ sung quy định về Minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia

Nhằm nội luật hóa các quy định tại các cam kết quốc tế của Việt Nam trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, Luật số 70/2025/QH15 đã bổ sung quy định các quy định về Minh bạch hóa, Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia. Trong đó:

Quy định về minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại được thực hiện thông qua hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia dựa trên nguyên tắc: bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với các điểm thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các cơ quan; hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, có chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; đồng thời khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp cận các thị trường trọng điểm, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên.

Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia lần đầu tiên được luật hóa, là công cụ định hướng tổng thể, dài hạn cho hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, nhằm phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia đồng bộ, hiện đại, tập trung, thống nhất từ trung

ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Luật ghi nhận Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia là cơ quan đầu mối cấp quốc gia về tiêu chuẩn, thực hiện thống nhất hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn; là đại diện quốc gia tham gia tổ chức tiêu chuẩn quốc tế và khu vực tương ứng; điều phối, cử đại diện của Việt Nam tham gia ban kỹ thuật quốc tế nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên/

4.3. Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng, công bố, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Luật số 70/2025/QH15 đã hoàn thiện quy định pháp luật về nguyên tắc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm phân biệt giữa tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm tính đồng bộ, linh hoạt trong xây dựng, áp dụng và nâng cao hiệu quả quản lý của cơ quan nhà nước; bổ sung quy định nguyên tắc mỗi sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường chỉ được điều chỉnh bởi một quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thống nhất trên phạm vi toàn quốc nhằm loại bỏ tình trạng trùng lặp, chồng chéo trong xây dựng, quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa bằng quy chuẩn kỹ thuật.

Quy trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được cải cách toàn diện, rút ngắn thời gian, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khuyến khích sự tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hiệp hội, doanh nghiệp; rút ngắn thời gian xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm có tính chất đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, công nghệ mới nhằm khuyến khích áp dụng nhanh tiêu chuẩn quốc tế phù hợp điều kiện thực tiễn Việt Nam; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong việc giao các Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các địa phương chủ động ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

4.4. Bổ sung quy định thúc đẩy sự tham gia của hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Với mục tiêu xây dựng hạ tầng chất lượng đồng bộ và hiện đại, Luật số 70/2025/QH15 đã mở rộng khung chính sách và nguyên tắc quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo hướng Nhà nước định hướng, thị trường là chủ đạo, doanh nghiệp là trung tâm, xã hội tham gia tích cực,

thể hiện tư duy cải cách thể chế mạnh mẽ, chú trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, huy động sự tham gia của tất cả các thành phần trong xã hội; thiết lập hệ thống chính sách cụ thể nhằm tăng cường đầu tư ngân sách, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển tổ chức đánh giá sự phù hợp, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng văn hóa tiêu chuẩn trong cộng đồng và tôn vinh đóng góp của tổ chức, cá nhân. Luật cho phép mở rộng hình thức hợp tác công - tư trong phát triển dịch vụ tiêu chuẩn, khuyến khích hiệp hội, doanh nghiệp và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; thúc đẩy xã hội hóa, mở rộng quyền xây dựng áp dụng tiêu chuẩn của doanh nghiệp, hiệp hội. Luật cũng bổ sung quy định về tham vấn trong xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo phải có ý kiến của tất cả đối tượng chịu tác động trước khi công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

4.5. Sửa đổi, bổ sung quy định về đánh giá sự phù hợp, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy

Luật số 70/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung quy định về đánh giá sự phù hợp, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy theo hướng bổ sung các hoạt động đánh giá sự phù hợp đang được sử dụng với nhiều thuật ngữ khác nhau ở các luật liên quan làm đề đồng bộ hóa pháp luật; đổi mới cơ chế công bố hợp quy theo hướng đơn giản hóa, chuyển sang hình thức báo trực tuyến qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; đồng thời, bổ sung quy định miễn thực hiện công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hoá đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý chất lượng theo quy định của luật khác tương ứng với yêu cầu kỹ thuật tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhằm giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, bổ sung quy định về thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức quốc tế, nước ngoài để giải quyết khó khăn, bất cập hiện nay của doanh nghiệp, khi năng lực thử nghiệm, chứng nhận của các tổ chức trong nước trong một số lĩnh vực mới, công nghệ cao còn hạn chế (ví dụ: công nghệ viễn thông 5G, vạn vật kết nối IOT, chip bán dẫn...).

Trên đây là nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT. Để tổ chức thi hành Luật hiệu quả, theo sự phân công của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời trong thời gian tới, trên cơ sở Kế hoạch triển khai thi hành Luật của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các bộ, ngành và địa phương các vấn đề liên quan đến triển khai Luật./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ